

TỔNG MỤC LỤC TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

| TT | TÊN TÁC GIẢ | TÊN BÀI | Số | Trang |
|----------------------|--|--|----------|-------|
| I. NGHIÊN CỨU | | | | |
| 1 | Bùi Nam Khánh | Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các văn phòng liên lạc qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia | 2 (251) | 64-70 |
| 2 | Bùi Thanh Tuấn | Xu hướng mở rộng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Myanmar sau khủng hoảng chính trị | 4 (253) | 12-19 |
| 3 | Cao Thị Mai Hoa | Tình hình chính trị Campuchia từ năm 2013 đến nay | 11 (260) | 61-70 |
| 4 | Chu Văn Lộc, Lê Thanh Hải | Vai trò của Trường đoàn chuyên gia Việt Nam Lê Đức Anh tại Campuchia giai đoạn 1982-1986 | 2 (251) | 56-63 |
| 5 | Đàm Huy Hoàng | Cục diện chính trị - an ninh Đông Nam Á năm 2020 và xu thế năm 2021 | 3 (252) | 25-30 |
| 6 | Đàm Huy Hoàng, Lương Ánh Linh | Tình hình triển khai Chính sách Hướng Nam mới của Đài Loan ở Indonesia | 7 (256) | 14-22 |
| 7 | Đặng Thu Thủy | Các biện pháp thương mại ứng phó với đại dịch COVID - 19: nghiên cứu trường hợp ASEAN | 8 (257) | 34-45 |
| 8 | Đặng Văn Chương, Nguyễn Thị Vĩnh Linh | Cải cách giáo dục của chính quyền thuộc địa Anh ở "Khu định cư eo biển" thế kỷ XIX | 11 (260) | 15-24 |
| 9 | Đặng Văn Chương, Trần Thị Quế Châu | Quá trình thế tục hóa giáo dục Philippines từ cuộc cải cách 1863-1935 | 5 (254) | 30-38 |
| 10 | Đỗ Minh Cao, Lê Văn Mỹ | Biên Đông: Cuộc chiến công hãm và tác động đến Việt Nam | 1 (250) | 26-35 |
| 11 | Dương Quang Hiệp, Nguyễn Thị Thông | Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên lĩnh vực an ninh - quân sự giai đoạn 2012-2020 | 2 (251) | 15-25 |
| 12 | Dương Văn Huy | Cục diện biển Đông năm 2020 và Triển vọng năm 2021 | 3 (252) | 13-24 |
| 13 | Dương Văn Huy | Ứng xử của Philippines với Trung Quốc trong vấn đề biển Đông thời kỳ Tổng thống Rodrigo Duterte | 8 (257) | 3-13 |
| 14 | Hà Lê Huyền, Trần Thị Minh Giang | Hợp tác thương mại Thái Lan - Lào giai đoạn 1991 - 2021 | 8 (257) | 26-33 |
| 15 | Hà Thị Đan | Xung đột tôn giáo, sắc tộc ở Philippines từ năm 2001 đến nay | 7 (256) | 23-29 |
| 16 | Hà Thị Hồng Vân, Trần Thị Hải Yến | Một số đánh giá ban đầu về chiến lược tuần hoàn kép của Trung Quốc và tác động đối với các nước ASEAN | 3 (252) | 31-38 |
| 17 | Hồ Thị Thành | Cải cách quân đội ở Indonesia từ năm 1998 đến nay | 6 (255) | 3-13 |
| 18 | Hoàng Thị Giang | Chính sách đối ngoại của Indonesia thời kỳ Tổng thống Joko Widodo | 9 (258) | 46-55 |
| 19 | Hoàng Thị Mỹ Nhị | Vai trò của truyền thông đại chúng đối với Islam giáo của Malaysia hiện nay | 6 (255) | 33-39 |
| 20 | Hoàng Thị Mỹ Nhị | Âm nhạc Islam đại chúng trong nền văn hóa đương đại của Indonesia | 11 (260) | 52-60 |
| 21 | Huỳnh Tâm Sáng | Vai trò trung tâm của ASEAN từ góc nhìn chủ nghĩa đa phương | 11 (260) | 35-44 |
| 22 | Lê Hòa | Cải cách giáo dục trung học ở CHDCND Lào giai đoạn 2001-2021 | 6 (255) | 23-32 |
| 23 | Lê Hoàng Anh | Cách tiếp cận của Nhật Bản đối với các cơ chế hợp tác an ninh đa phương của ASEAN | 10 (259) | 59-67 |
| 24 | Lê Phương Hòa | Tác động của dịch chuyển lao động nông nghiệp đến phát triển kinh tế - xã hội ở Thái Lan | 3 (252) | 39-47 |
| 25 | Lê Thanh Hải | Những nhân tố tác động đến quan hệ hợp tác giữa tỉnh Kon Tum (Việt Nam) và tỉnh Attapeu (Lào) từ năm 1991 đến năm 2017 | 8 (257) | 63-72 |
| 26 | Lê Thị Hằng Nga | Giá trị Ấn Độ ở Đông Nam Á thông qua sự lan tỏa của Hindu giáo | 5 (254) | 48-58 |

| TT | TÊN TÁC GIẢ | TÊN BÀI | Số | Trang |
|----|--|--|----------|-------|
| 27 | Lê Văn Tuyên | Kinh nghiệm giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia và hàm ý cho Việt Nam | 10 (259) | 41-50 |
| 28 | Lê Xuân Thân, Phan Thị Hồng Xuân | Bản sắc văn hóa Việt Nam trong quan hệ đối ngoại với các nước ASEAN từ năm 1995 đến nay | 4 (253) | 41-48 |
| 29 | Lư Vi An | Tim hiểu văn hóa chính trị của Singapore từ sau năm 1965 đến nay | 5 (254) | 59-66 |
| 30 | Lưu Văn Quyết, Trần Hùng Minh Phương | Việt Nam trong quan hệ đối tác toàn diện ASEAN-Liên bang Nga giai đoạn 1996-2020 | 2 (251) | 3-9 |
| 31 | Nguyễn Chí Giáp | Một số phân tích về thực tiễn chính sách đối ngoại của Indonesia | 12 (261) | 53-61 |
| 32 | Nguyễn Đình Ngân | An ninh mạng ở các nước đang phát triển và hàm ý cho Việt Nam | 12 (261) | 43-52 |
| 33 | Nguyễn Hà Phương, Hà Thị Hồng Vân | Kinh nghiệm của một số quốc gia Đông Nam Á trong xây dựng khung sinh kế bền vững cho cư dân ven biển nhằm thích ứng biến đổi khí hậu | 12 (261) | 22-31 |
| 34 | Nguyễn Hà Phương, Nguyễn Duy Dung | Phát triển thủy điện tại Lào và cơ hội cho Việt Nam | 5 (254) | 11-21 |
| 35 | Nguyễn Hào Hùng, Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Hội ái hữu viên chức Việt làm việc trong các công sở hành chính Lào thời Pháp thuộc | 1 (250) | 44-50 |
| 36 | Nguyễn Hoàng Anh Tú | Quan hệ thương mại Việt Nam - Myanmar từ năm 2011 đến nay | 6 (255) | 47-57 |
| 37 | Nguyễn Hồng Quân | Quan hệ song phương giữa Vương quốc Anh và ASEAN thời kỳ hậu Brexit: Thực trạng và triển vọng | 10 (259) | 3-13 |
| 38 | Nguyễn Hồng Quang | Tình hình chính trị Thái Lan từ sau cuộc bầu cử 2019 | 11 (260) | 25-34 |
| 39 | Nguyễn Hữu Phúc | Chính sách giáo dục của Anh tại Malaya và Hà Lan tại Indonesia từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX | 6 (255) | 58-68 |
| 40 | Nguyễn Huy Hoàng | Một số phân tích về sự tham gia BRI của các nước Tiểu vùng Mekong | 12 (261) | 3-13 |
| 41 | Nguyễn Huy Hoàng, Võ Xuân Vinh, Trần Khánh | Về chuyến thăm Singapore và Việt Nam của Phó Tổng thống Mỹ Kamala Harris (22-26/8/2021) | 9 (258) | 3-12 |
| 42 | Nguyễn Ngọc Lan | Nợ công và rủi ro tài chính của Lào | 5 (254) | 22-29 |
| 43 | Nguyễn Ngọc Lan | Thực trạng cung cấp và tiêu thụ năng lượng thủy điện trong nước của CHDCND Lào | 9 (258) | 25-34 |
| 44 | Nguyễn Quế Thương | Một số chương trình hỗ trợ và hợp tác kinh tế giữa Thái Lan và Nhật Bản từ năm 2010 đến nay | 7 (256) | 45-52 |
| 45 | Nguyễn Quế Thương | Một số bất ổn trong an ninh nguồn nước tại Thái Lan | 11 (260) | 71-77 |
| 46 | Nguyễn Thành Đồng | Bài học kinh nghiệm từ hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Indonesia | 2 (251) | 43-55 |
| 47 | Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Như Quỳnh | Nỗ lực phát triển kinh tế số của các nước ASEAN | 9 (258) | 35-45 |
| 48 | Nguyễn Thanh Tuấn | Dấu ấn của các tôn giáo du nhập ở vương quốc Srivijaya, Indonesia từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII | 4 (253) | 20-30 |
| 49 | Nguyễn Thị Hồng Lam | Những thay đổi trong chương trình học ở cấp trung học phổ thông của Thái Lan từ sau Luật Giáo dục Quốc gia 1999 | 1 (250) | 51-58 |
| 50 | Nguyễn Thị Hồng Lan, Trịnh Hải Tuyên | Nâng cao tay nghề cho lao động thông qua Chương trình đào tạo nghề kép ở Thái Lan và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | 9 (258) | 56-63 |

| TT | TÊN TÁC GIẢ | TÊN BÀI | Số | Trang |
|----|---|---|----------|-------|
| 51 | Nguyễn Thị Phương Hoa, Võ Xuân Vinh | Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình - Qua trường hợp Myanmar | 7 (256) | 3-13 |
| 52 | Nguyễn Thị Thùy Châu | Quan niệm về bun và bap được phản ánh trong tiếng Thái Lan | 4 (253) | 31-40 |
| 53 | Nguyễn Tuấn Anh | Biến động chính trị và các thách thức đặt ra đối với Malaysia trong giai đoạn chuyển đổi nội các mới năm 2021 | 10 (259) | 24-31 |
| 54 | Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Tùng, Nguyễn Hà Phương | Tình hình kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2020 và triển vọng năm 2021 | 1 (250) | 3-11 |
| 55 | Nguyễn Văn Tận | Nhân tố Mỹ trong chính sách đối ngoại của Thái Lan đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn 1945-1954 | 2 (251) | 10-14 |
| 56 | Nguyễn Việt Cường | Chính trị Hồi giáo và nền dân chủ ở Indonesia và Malaysia hiện nay | 9 (258) | 64-73 |
| 57 | Nguyễn Xuân Cường, Nguyễn Thanh Minh | An ninh biển Đông nhìn từ tình hình tội phạm trên biển | 5 (254) | 3-10 |
| 58 | Nguyễn Xuân Tùng | Thực trạng phát triển du lịch quốc tế của Myanmar trong những năm gần đây | 6 (255) | 40-46 |
| 59 | Phạm Thanh Tịnh | Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trong xây dựng nhà nước và hệ tư tưởng - chính trị ở các quốc gia Đông Nam Á hải đảo cổ đại | 5 (254) | 39-47 |
| 60 | Phạm Thanh Tịnh | Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ tới các quốc gia Đông Nam Á hải đảo | 10 (259) | 32-40 |
| 61 | Phạm Thanh Tịnh | Ảnh hưởng của văn hóa Java lên chính sách kinh tế đối ngoại của Indonesia | 12 (261) | 14-21 |
| 62 | Phạm Thị Mùi | Mối quan hệ giữa di cư, tôn giáo và bản sắc: Trường hợp người Việt (Kinh) theo Phật giáo ở Lào | 10 (259) | 51-58 |
| 63 | Phạm Thị Thanh Bình, Vũ Nhật Quang | Giải pháp đảm bảo an ninh lương thực ở ASEAN trong bối cảnh đại dịch COVID - 19 | 3 (252) | 48-54 |
| 64 | Phạm Xuân Trường, Từ Thúy Anh | Mối quan hệ giữa nợ công bền vững và tăng trưởng kinh tế ở các nước trong khu vực Đông Nam Á | 1 (250) | 12-25 |
| 65 | Phùng Gia Bách | Quan hệ kinh tế Ấn Độ - Indonesia giai đoạn 2005-2018 | 3 (252) | 55-63 |
| 66 | Quang Ngọc Huyền | Thiết chế xã hội và một số phong tục tập quán ở Visayas, Philippines thời kỳ trước khi bị Tây Ban Nha đô hộ | 7 (256) | 30-35 |
| 67 | Trần Khánh - Hắc Xuân Cảnh | Cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung ở Đông Nam Á dưới thời Tổng thống Joe Biden | 9 (258) | 13-24 |
| 68 | Trần Lê Minh Trang | Tác động của xu hướng gia tăng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đến Đông Nam Á những năm gần đây | 11 (260) | 45-51 |
| 69 | Trần Ngọc Giáp | Tầm quan trọng của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển quốc tế năm 1982 đối với giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo ở khu vực biển Đông hiện nay | 8 (257) | 46-53 |
| 70 | Trần Thế Tuấn, Nguyễn Thị Dung | Cơ hội và Thách thức phát triển du lịch dịch vụ logistics trên Hành lang kinh tế Đông Tây tại Việt Nam | 7 (256) | 36-44 |
| 71 | Trần Thị Quỳnh Trang | Già hóa dân số và vấn đề người cao tuổi ở Thái Lan hiện nay | 8 (257) | 54-62 |
| 72 | Trần Thị Thanh Vân, Võ Thành Tâm | Các vấn đề an ninh phi truyền thống ở Đông Nam Á đầu thế kỷ XXI và hợp tác giải quyết trong ASEAN | 12 (261) | 32-42 |
| 73 | Trần Thu Minh | Thích ứng của Indonesia trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình | 6 (255) | 14-22 |

| TT | TÊN TÁC GIẢ | TÊN BÀI | Số | Trang |
|----------------------|--|--|----------|-------|
| 74 | Trịnh Đình Việt | Chính sách biên Đông của Mỹ: Vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay | 2 (251) | 36-42 |
| 75 | Trương Duy Hòa | Những vấn đề đặt ra hiện nay trong quan hệ hợp tác giữa Lào với các nước tiểu vùng Mekong | 1 (250) | 36-43 |
| 76 | Trương Duy Hòa | Hợp tác kinh tế Lào - Trung Quốc những năm gần đây và một số tác động chủ yếu đối với Lào | 4 (253) | 3-11 |
| 77 | Trương Duy Hòa | Phát triển thủy điện ở Lào và vấn đề đặt ra | 11 (260) | 3-14 |
| 78 | Trương Quang Hoàn, Vũ Quý Sơn | Quan hệ Campuchia - Trung Quốc từ năm 2010 đến nay | 10 (259) | 14-23 |
| 79 | Trương Quang Hoàn, Vũ Thị Hải Hà, Cao Thị Mai Hoa | Campuchia với đại dịch COVID - 19: thực trạng và những vấn đề đặt ra | 2 (251) | 26-35 |
| 80 | Võ Xuân Vinh, Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Huy Hoàng | Đảo chính quân sự ngày 01/2/2021 ở Myanmar | 3 (252) | 3-12 |
| 81 | Vũ Thụy Trang, Nguyễn Thanh Hương | 25 năm quan hệ đối tác đối thoại Nga -ASEAN - một hành trình hội nhập của Nga ở khu vực Đông Nam Á | 8 (257) | 14-25 |
| II. THÔNG TIN | | | | |
| 1 | Bùi Quý Thuán | Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 7 (256) | 61-72 |
| 2 | Chu Trọng Trí | Cơ hội và thách thức của xuất khẩu dệt may Việt Nam trong quá trình thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 9 (258) | 74-81 |
| 3 | Đỗ Anh Vinh | Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị trên không gian mạng hiện nay | 1 (250) | 74-82 |
| 4 | Đỗ Anh Vinh | Nhận thức mới về tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam | 11 (260) | 85-91 |
| 5 | Đỗ Trung Hiếu | Ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID - 19 | 12 (261) | 79-85 |
| 6 | Hồ Ngọc Châm | Thực trạng bất bình đẳng thu nhập trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | 4 (253) | 69-77 |
| 7 | Kim Ngọc Thu Trang, Hoàng Khánh Linh | Thích ứng của ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa | 6 (255) | 79-87 |
| 8 | Lại Thị Hương | Quan hệ Quảng Bình (Việt Nam) và Khammuane (Lào) trong lĩnh vực kinh tế từ năm 1989 đến năm 2019 | 1 (250) | 65-73 |
| 9 | Lê Thị Bích Thủy | Bài học về lòng dân trong lịch sử triều đại nhà Hồ và triều đại nhà Lê Sơ | 4 (253) | 64-68 |
| 10 | Lê Thị Thanh Hiếu, Đình Trung Thành, Nguyễn Thị Mỹ Hương | Thực thi chính sách an sinh xã hội cho cộng đồng ngư dân các tỉnh Bắc Trung bộ | 2 (251) | 80-84 |
| 11 | Lương Ngọc Thủy, Nguyễn Đức Chiện | "Mỗi xã một sản phẩm" - phong trào phát triển cộng đồng nông thôn ở Thái Lan | 11 (260) | 78-84 |
| 12 | Lưu Ngọc Trinh, Trần Thị Huyền Thanh | Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở thành phố Hồ Chí Minh | 6 (255) | 69-78 |
| 13 | Nghiêm Thị Hải Yến | Việt Nam trong chiến lược an ninh của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI | 7 (256) | 53-60 |

| TT | TÊN TÁC GIẢ | TÊN BÀI | Số | Trang |
|--------------------------------|---|---|----------|-------|
| 14 | Nguyễn Duy Thụy | Kinh tế tư nhân vùng Tây Nguyên hiện nay: Rào cản và giải pháp | 9 (258) | 82-93 |
| 15 | Nguyễn Quang Tuấn | COVID-19 và vấn đề đảm bảo quyền lao động của người lao động di cư ở một số quốc gia Đông Nam Á | 12 (261) | 71-78 |
| 16 | Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thu Thủy | Việc giải quyết một số tranh chấp lãnh thổ ở biên giới phía Bắc của Việt Nam giữa triều Hậu Lê, triều Nguyễn với triều Thanh của Trung Quốc | 10 (259) | 85-93 |
| 17 | Nguyễn Thương Huyền | Hợp tác phát triển du lịch Việt Nam - Campuchia trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI | 10 (259) | 75-84 |
| 18 | Nguyễn Trần Kim Ngọc | Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Australia giai đoạn 2018-2020 và triển vọng | 4 (253) | 49-57 |
| 19 | Phonvilay Phomviengxay | Những nhân tố tác động đến giáo dục - đào tạo nghề trong phát triển nguồn nhân lực ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay | 1 (250) | 59-64 |
| 20 | Sa Thị Thanh Nga, Nông Bằng Nguyên | Chính sách giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam | 2 (251) | 71-79 |
| 21 | Trần Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Nhung | Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nhân lực y tế tại một số cơ sở y tế công lập trên địa bàn Hà Nội | 8 (257) | 73-82 |
| 22 | Trần Văn Hoan | Phát triển phẩm chất nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý học viên tại các nhà trường quân đội trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay | 8 (257) | 83-89 |
| 23 | Trịnh Hải Tuyền | Một số vấn đề nổi bật của Singapore trong 6 tháng đầu năm 2021 | 7 (256) | 73-81 |
| 24 | Trình Năng Chung | Trồng đồng ở Lào | 3 (252) | 64-73 |
| 25 | Trịnh Thị Dung | Hợp tác, hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp giữa tỉnh Quảng Trị (Việt Nam) và tỉnh Savanakheth (Lào) giai đoạn 1989-2017 | 4 (253) | 58-63 |
| 26 | Vĩnh Thông | Núi Tà Lơn ở Campuchia và những dấu ấn văn hóa Việt Nam | 3 (252) | 74-79 |
| 27 | Võ Mai Trang | Chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam | 5 (254) | 67-75 |
| 28 | Vũ Thị Duyên | Hợp tác văn hóa giữa Đài Loan và một số nước Đông Nam Á từ năm 2016 đến nay | 12 (261) | 62-70 |
| 29 | Vũ Thị Hải Hà | Một số thành tựu của giáo dục phổ thông Campuchia giai đoạn 1993-2013 | 10 (259) | 68-74 |
| 30 | Vũ Thị Nga | Chế độ đãi ngộ đối với thân nhân của võ quan và binh lính trong quân đội dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884 | 5 (254) | 76-83 |
| III. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC | | | | |
| 1 | Hà Phương | Hội thảo khoa học: "Hợp tác Hàn Quốc -Mekong trong bối cảnh quốc tế mới" | 3 (252) | 80-81 |
| 2 | Hà Phương | Tọa đàm khoa học: "Quan hệ Campuchia - Hàn Quốc trong hợp tác Tiểu vùng sông Mekong mở rộng" | 10 (259) | 94-95 |
| 3 | Lê Phương Hòa | Hội thảo Quốc tế: "Những vấn đề khu vực: Đông Nam Á và Vịnh Péc - Xích" | 8 (257) | 90-91 |
| 4 | Nguyễn Ngọc Lan | Hội thảo khoa học: "Năng lực nhà nước về Phát triển quốc gia" | 4 (253) | 78-79 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Lan | Hội thảo Quốc tế: "Phòng chống lao động trẻ em ở Đông Nam Á" | 6 (255) | 88-89 |
| 6 | Nguyễn Ngọc Lan | Hội thảo khoa học: "Cạnh tranh giữa các cường quốc tại khu vực Tiểu vùng sông Mekong mở rộng" | 7 (256) | 82-83 |

| TT | TÊN TÁC GIẢ | TÊN BÀI | Số | Trang |
|----------------------|---------------------|---|----------|--------|
| 7 | Nguyễn Thị Hồng Lam | Hội thảo khoa học: “ASEAN - Nhật Bản: Nhìn lại chặng đường đã qua và hướng tới 50 năm quan hệ đối tác” | 9 (258) | 94-95 |
| 8 | Phương Hòa | Tọa đàm khoa học: “Tác động của biến động địa chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương đến Đông Nam Á và Việt Nam trong thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI | 2 (251) | 85-86 |
| 9 | Phương Hòa | Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ VI -Tiểu ban 1 - Các vấn đề khu vực và quốc tế | 12 (261) | 86-87 |
| 10 | Quang Hoàn | Hội thảo: “Thực hiện hiệu quả Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP) gắn với cải thiện tính tự chủ của nền kinh tế: yêu cầu hoàn thiện thể chế thương mại và đầu tư ở Việt Nam” | 1 (250) | 83-84 |
| 11 | Thế Quân | Hội thảo khoa học: “Đông Nam Á: Những phương diện nghiên cứu liên ngành” | 5 (254) | 84-85 |
| 12 | Tuấn Anh | Hội thảo Quốc tế: “Quan hệ Đông Nam Á với các nước lớn dưới thời Tổng thống Mỹ thứ 46” | 11 (260) | 92-93 |
| IV. ĐIỂM SÁCH | | | | |
| 1 | Hà Phương | “Cải cách hành chính của Thái Lan, Indonesia hai thập niên đầu thế kỷ XXI và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” | 1 (250) | 85 |
| 2 | Hài Tuyên | “Giáo trình văn hóa các nước Đông Nam Á | 7 (256) | 84-85 |
| 3 | Hồng Lam | “Đông Nam Á trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ | 10 (259) | 96-97 |
| 4 | Hồng Lam | “Quan hệ Australia - ASEAN hai thập niên đầu thế kỷ XXI | 11 (260) | 94-95 |
| 5 | Hồng Lam | “Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc ở Đông Nam Á | 12 (261) | 88-89 |
| 6 | Lê Phương Hòa | “Dịch chuyển lao động nông nghiệp của Thái Lan, Malaysia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” | 9 (258) | 96-97 |
| 7 | Ngô Minh Hải | “Cảng thị ở Đông Nam Á với con đường tơ lụa trên biển (thế kỷ I-XVIII) | 4 (253) | 80-81 |
| 8 | Ngô Minh Hải | “Chính sách của các nước Đông Nam Á ở Biển Đông” | 6 (255) | 90-91 |
| 9 | Nguyễn Ngọc Lan | “Where Great Powers Meet: America and China in Southeast Asia | 3 (252) | 82-83 |
| 10 | Nguyễn Ngọc Lan | “Các khía cạnh kinh tế của COVID - 19 ở Indonesia: Phản ứng với khủng hoảng” | 5 (254) | 86-8 |
| 11 | Nguyễn Ngọc Lan | “Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương: Hàm ý cho Đông Nam Á | 8 (257) | 92-93 |
| 12 | Quang Hoàn | “The comprehensive and Progressive Agreement for Trans-pacific Partnership: Implications for Southeast Asia” | 2 (251) | 87- 88 |